TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2020
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tỉnh

Bà Trần Thị Thúy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T; cư trú tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn K; cư trú tại thôn X, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1994 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, bà và ông K chung sống cùng nhau tại gia đình ông K ở thôn X, xã B, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm

sống, tính cách không hòa hợp nên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã A đã sống ly thân với ông K. Nay bà Hoàng Thị T đề nghị Toà án không công nhận bà và ông Lê Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K có hai con chung Lê Văn T1 – sinh năm 1995 và Lê Văn S - sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K không có tài sản chung nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2020, bị đơn ông Lê Văn K trình bày:

Về thời gian chung sống, điều kiện chung sống và nơi chung sống của ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị T như bà T đã trình bày. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra cãi chửi nhau; ông và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 đến nay, không ai còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay bà Hoàng Thị T khởi kiện tại Tòa án, ông Lê Văn K có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Hoàng Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị T có hai con chung như bà Hoàng Thị T đã trình bày. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K là vợ chồng; về con chung: Các con chung Lê Văn T1 – sinh năm 1995 và Lê Văn S - sinh năm 1997 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống; về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự:

[1] Bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994. Tại thời điểm chung sống bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K là vợ chồng.

[3] Vì vậy, việc bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án không công nhận bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Trong quá trình chung sống, bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K có hai con chung Lê Văn T1 – sinh năm 1995 và Lê Văn S - sinh năm 1997 đều đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

- Về tài sản:

[5] Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[6] Bà Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 9, 14, 15 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn K là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Hoàng Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012675 ngày 08 tháng 7 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch